

Số: 1940/UBND-THNC

Đồng Nai, ngày 27 tháng 02 năm 2024

V/v hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa;
- Hội Luật gia tỉnh; Đoàn Luật sư tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 446/HĐPH ngày 24/01/2024 của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) trung ương về việc phổ biến các luật, nghị quyết mới được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 6, Kỳ họp bất thường lần thứ 5; Chỉ thị số 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và triển khai một số nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật dịp Tết Giáp Thìn 2024 và Văn bản 573/HĐPH-PBGDPL ngày 31/01/2024 về việc hướng dẫn thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024;

Trên cơ sở Kế hoạch số 301/KH-UBND ngày 29/12/2023 về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024 và các văn bản liên quan; Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo một số nội dung sau đây:

I. CÔNG TÁC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Đổi mới, thực hiện có hiệu quả công tác PBGDPL

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương phải xác định công tác PBGDPL là nhiệm vụ thường xuyên của cả hệ thống chính trị, cơ quan, đơn vị được giao quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực nào thì có trách nhiệm chủ trì việc PBGDPL về ngành, lĩnh vực đó; cơ quan tư pháp là cơ quan tham mưu quản lý nhà nước về PBGDPL, không phải cơ quan chủ trì PBGDPL đối với tất cả các lĩnh vực pháp

luật. Theo đó, cần nắm bắt nhu cầu thực tiễn và căn cứ điều kiện, yêu cầu của từng ngành, lĩnh vực, địa phương, chủ động thực hiện PBGDPL thường xuyên gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, trong đó cần ưu tiên các nhóm đối tượng đặc thù, địa bàn vùng sâu, vùng xa, gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, đề án phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện thông tin, phổ biến đầy đủ, toàn diện các văn bản, chính sách cho cán bộ, Nhân dân, tập trung vào các luật, pháp lệnh, văn bản mới thông qua năm 2023, 2024, những nội dung pháp luật thiết thực với người dân, doanh nghiệp, các vấn đề xã hội quan tâm, cần định hướng dư luận xã hội; pháp luật về đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; phòng, chống tội phạm; an toàn giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an toàn vệ sinh thực phẩm; pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, phòng, chống bạo lực học đường, vi phạm pháp luật trên không gian mạng; trái phiếu doanh nghiệp, lao động; bảo vệ trẻ em; thực hiện dân chủ ở cơ sở; cấp Phiếu lý lịch tư pháp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) tạo sự đồng thuận trong xã hội và Nhân dân tham gia thực hiện; truyền thông, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của pháp luật quốc tế; các vấn đề gắn với nhiệm vụ trọng tâm của bộ, ngành, cơ quan, tổ chức năm 2024.

Chú trọng thực hiện truyền thông dự thảo chính sách, nhất là những vấn đề nóng hoặc có nhiều ý kiến khác nhau cần định hướng dư luận xã hội; gắn PBGDPL với xây dựng, hoàn thiện thể chế và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành pháp luật.

b) Tiếp tục có các giải pháp đổi mới nội dung, hình thức PBGDPL theo hướng lấy người dân làm trung tâm; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số trong PBGDPL.

Về nội dung, phải xây dựng kế hoạch và tổ chức thông tin, phổ biến đầy đủ các quy định pháp luật đến mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn, tập trung các quy định pháp luật liên quan đến đời sống xã hội, quyền, nghĩa vụ của công dân. Chú trọng thực hiện truyền thông chính sách pháp luật ngay từ quá trình xây dựng, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, bám sát các vấn đề nóng, dư luận xã hội quan tâm hoặc có nhiều ý kiến khác nhau cần định hướng dư luận xã hội; các nội dung về bảo đảm quyền con người, quyền công dân; các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

Về hình thức, bên cạnh các hình thức PBGDPL truyền thống, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, vận hành hiệu quả Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh Đồng Nai và chuyên mục về “Phổ biến, giáo dục pháp luật” thuộc

Công/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với thực hiện chuyển đổi số trong PBGDPL; khai thác triệt để các ứng dụng, phần mềm có tính năng trực tuyến, tương tác, mạng xã hội... để PBGDPL; nhân rộng và phát huy hình thức PBGDPL thông qua fanpage trên facebook và OA trên zalo; thường xuyên gửi tin, bài cho Sở Tư pháp để đăng trên Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh, Bản tin của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh; tăng cường các hoạt động thông tin, truyền thông, PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai, Báo Đồng Nai thực hiện các chương trình đối thoại, tọa đàm, giải đáp vướng mắc, bắt cập từ thực tiễn thi hành pháp luật; chủ động, linh hoạt áp dụng các cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả và nhân rộng việc thực hiện; xây dựng mô hình điểm về phổ biến, thực hiện pháp luật tại cơ sở gắn với việc thực hiện hương ước, quy ước và mô hình tự quản tại cộng đồng.

c) UBND các huyện, thành phố cần quan tâm, bố trí ngân sách cần thiết đảm bảo cho công tác PBGDPL theo quy định, đặc biệt là ở cơ sở. Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các sở, ngành trong việc thực hiện mô hình “Cấp tỉnh bố trí kinh phí, cấp huyện tổ chức thực hiện và cấp xã tiếp nhận kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật” năm 2024 sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch.

d) Thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm đảm bảo về thời hạn và nội dung, chất lượng theo hướng dẫn, đề nghị của Sở Tư pháp, thống nhất về số liệu, nội dung giữa các báo cáo.

2. Về hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh

Các thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của mình trong việc hướng dẫn, chỉ đạo PBGDPL về ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý; thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch số 22/KH-HĐPH ngày 29/01/2024 về hoạt động của Hội đồng năm 2024 và chỉ đạo của Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị tổng kết hoạt động của Hội đồng năm 2023, triển khai nhiệm vụ năm 2024 theo Thông báo số 16/TB-HĐPH ngày 02/02/2024 của Hội đồng; đẩy mạnh tổ chức các hoạt động PBGDPL có sự tham gia, phối hợp giữa các thành viên của Hội đồng.

3. Tổ chức triển khai các Đề án về công tác PBGDPL

Giao Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các Đề án về PBGDPL trong năm 2024 trên cơ sở các nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế của địa phương.

4. Tổng kết, đánh giá kết quả 05 năm triển khai Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg

Giao Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh tổng kết, đánh giá kết quả 05 năm triển khai Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác từ sách pháp luật bằng hình thức phù

hợp và xây dựng báo cáo tổng kết gửi về Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp trước ngày 30/6/2024.

5. Hướng dẫn hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 09-11

Giao Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh hướng dẫn và định hướng nội dung hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật năm 2024 theo hướng thực chất, có chiều sâu, hiệu quả, lan tỏa tinh thần chủ động tìm hiểu và chấp hành pháp luật.

6. Tăng cường phổ biến Chỉ thị số 23/CT-TTg

Giao Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo công tác PBGDPL về các nhiệm vụ cụ thể của Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phù hợp với tình hình, điều kiện thực tiễn và nhiệm vụ chính trị của địa phương nhằm thống nhất nhận thức và tăng cường trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp về giá trị pháp lý, vai trò của Phiếu Lý lịch tư pháp, quyền yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp và việc sử dụng Phiếu Lý lịch tư pháp theo đúng quy định của pháp luật, góp phần triển khai quyết liệt, có hiệu quả Chỉ thị số 23/CT-TTg.

7. Một số nhiệm vụ khác

a) Thực hiện các nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh các vùng¹; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 21/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lứa tuổi học sinh trong tình hình mới, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động lồng ghép triển khai việc phổ biến các chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông cho lứa tuổi học sinh gắn với quy định của pháp luật có liên quan cũng như lồng ghép trong triển khai các nhiệm vụ, đề án, chương trình có liên quan một cách phù hợp.

b) Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, đánh giá chất lượng hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trong quá trình triển khai nhiệm vụ PBGDPL theo sự phân công. Đối với đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, cấp huyện, đề nghị theo dõi, cập nhật tình hình tham gia các hoạt động PBGDPL của báo cáo viên pháp luật. Chủ tịch UBND các huyện, thành

¹ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

phổ chỉ đạo kiện toàn đội ngũ báo cáo viên cấp huyện theo hướng tinh gọn, chỉ công nhận, duy trì hoạt động đối với báo cáo viên pháp luật thực sự có năng lực, tham gia thường xuyên và trách nhiệm.

c) Để phát huy hiệu quả của Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh Đồng Nai, Sở Tư pháp có trách nhiệm biên soạn, đăng tải tài liệu PBGDPL trên Trang Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh. Các sở, ban, ngành khi thực hiện biên soạn tài liệu hoặc được cấp phát từ các cơ quan ở Trung ương về các ngành, lĩnh vực pháp luật được giao quản lý có trách nhiệm gửi Ban biên tập (thông qua Sở Tư pháp) để đăng tải trên Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh.

d) Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật và xây dựng các mô hình PBGDPL hiệu quả tại cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả PBGDPL cho địa phương.

II. CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hòa giải ở cơ sở, chú trọng việc kiện toà và thường xuyên tập huấn kiến thức pháp luật, kỹ năng, cung cấp tài liệu cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở nhằm nâng cao năng lực của đội ngũ này, góp phần nâng cao tỷ lệ hòa giải thành.

2. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố quan tâm chỉ đạo việc đảm bảo kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở, xây dựng các mô hình hòa giải ở cơ sở hiệu quả, đảm bảo mỗi đơn vị cấp xã có ít nhất một mô hình hòa giải ở cơ sở điển hình hoạt động hiệu quả được công nhận.

3. Thực hiện các giải pháp nhằm thu hút đội ngũ luật sư, luật gia, công an xã, thẩm phán, hội thẩm nhân dân tham gia hỗ trợ nâng cao chất lượng công tác hòa giải ở cơ sở. Nghiên cứu giải pháp huy động tối đa các tuyên truyền viên tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở.

III. CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ, CÔNG NHẬN CẤP XÃ ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT

1. Giám đốc Sở Tư pháp, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tiếp tục chỉ đạo thực hiện kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; tiếp tục truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm, mục đích, ý nghĩa thực hiện nhiệm vụ này; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật.

2. UBND các huyện, thành phố tổ chức sơ kết 02 năm thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư 09/2021/TT-BTP bằng hình thức phù hợp; gửi Báo cáo kết quả sơ kết về Sở Tư pháp **trước ngày 10/4/2024**. Nội dung Báo cáo thực hiện theo Phụ lục kèm theo Công văn này.

Giao Sở Tư pháp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh báo cáo tổng kết và gửi về Bộ Tư pháp trước ngày 29/04/2024.

Trên đây là nội dung hướng dẫn về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2024. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc tổ chức thực hiện, báo cáo kết quả thực hiện trong Báo cáo công tác PBGDPL 06 tháng và năm 2024 (gửi Sở Tư pháp **trước ngày 10/6 và 12/11/2024**). Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để được hướng dẫn, giải đáp.

Giao Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện và tổng hợp kết quả báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp (báo cáo);
- Cục Phổ biến giáo dục pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Q. Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCTC, KTNS, KGVX, THNC.



Võ Tấn Đức



PHỤ LỤC

**Đề cương báo cáo sơ kết thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và
Thông tư số 09/2021/TT-BTP**
(Kèm theo Công văn số 1940/UBND-THNC ngày 27 tháng 02 năm 2024 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 25/2021/QĐ-TTg VÀ THÔNG TƯ SỐ 09/2021/TT-BTP

1. Kết quả thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

- a) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện (Biểu mẫu số 01)
- b) Quán triệt, tập huấn, truyền thông, xây dựng và phát hành tài liệu kỹ năng, nghiệp vụ về đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.
 - Truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm về xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (số lượng và hình thức truyền thông đã thực hiện).
 - Quán triệt, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức tham mưu thực hiện nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (số lượng lớp tập huấn, nội dung, thành phần, cơ quan chủ trì tổ chức).
 - Biên soạn, phát hành tài liệu hướng dẫn kỹ năng và các tài liệu về lĩnh vực pháp luật liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật.
- c) Kiểm tra, khảo sát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.
- d) Nguồn lực thực hiện.
 - Phân công đầu mối theo dõi, tham mưu thực hiện nhiệm vụ.
 - Kinh phí thực hiện: Nêu rõ mức kinh phí ngân sách nhà nước thường xuyên hàng năm; kinh phí từ Chương trình từ mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 bố trí cho công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật của từng cấp huyện, xã.
 - Huy động nguồn lực xã hội cho công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Nêu rõ các hình thức, hoạt động huy động nguồn lực trong xã hội (con người và kinh phí) triển khai công tác đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; mức kinh phí huy động được. (Biểu mẫu số 02)

2. Kết quả đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật

- Số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; số xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; số xã đạt chuẩn tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Bộ Tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; số xã, phường, thị trấn bị thu hồi hoặc hủy bỏ quyết định công nhận

đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Biểu mẫu số 03, 04 và 05).

- Các mô hình, giải pháp, sáng kiến đã được áp dụng nhằm nâng cao hiệu quả các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật nói chung và các mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hiệu quả nói riêng tại địa phương (Biểu mẫu số 06).

- Đánh giá tác động, hiệu quả của việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm, thuận lợi

2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Khó khăn, hạn chế

2.2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân từ thực tiễn (nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan).

b) Nguyên nhân từ các quy định về đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

3. Một số bài học kinh nghiệm

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Phương hướng

2. Nhiệm vụ và giải pháp

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

***Lưu ý:**

- Mốc thời gian thông tin, báo cáo: Tính từ ngày 22/7/2021 đến ngày 31/3/2024.
- Thời hạn gửi Báo cáo sơ kết về Sở Tư pháp: Trước ngày 10/4/2024.

**BIỂU MẪU PHỤC VỤ SƠ KẾT 02 NĂM THỰC HIỆN
QUYẾT ĐỊNH SỐ 25/2021/QĐ-TT-G VÀ THÔNG TƯ 09/2021/TT-BTP**

1. Biểu mẫu số 01: Các văn bản hướng dẫn triển khai công tác đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đã ban hành

STT	Văn bản <i>(Ghi rõ số ký hiệu, ngày, tháng, năm ban hành, nội dung trích yếu văn bản)</i>
	1
...	

2. Biểu mẫu số 02. Thống kê kinh phí triển khai nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023		
	Ngân sách nhà nước thường xuyên	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Kinh phí xã hội hóa (nếu có)	Ngân sách nhà nước thường xuyên	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Kinh phí xã hội hóa (nếu có)	Ngân sách nhà nước thường xuyên	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Kinh phí xã hội hóa (nếu có)
Cấp huyện									
Cấp xã									

3. Biểu mẫu số 03: Thống kê số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và số xã đạt tiêu chí “Tiếp cận pháp luật” trong Bộ Tiêu chí quốc gia xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (gọi tắt là xã đạt tiêu chí TCPL nâng cao)

Stt	Năm	Tổng số xã, phường, thị trấn		Số đơn vị xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật		Số xã đạt tiêu chí TCPL nâng cao
		Xã	Phường, thị trấn	Xã	Phường, thị trấn	
1	2022					
2	2023					

4. Biểu mẫu số 04: Thống kê số xã, phường, thị trấn chưa đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Stt	Năm	Số đơn vị xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật		Nguyên nhân
		Xã	Phường, thị trấn	
1	2022			Tổng số điểm của các tiêu chí đạt dưới 80 điểm
				Số điểm của từng tiêu chí đạt dưới 50% số điểm tối đa (nêu rõ tiêu chí nào?)
				Trong năm đánh giá, có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
2	2023			Tổng số điểm của các tiêu chí đạt dưới 80 điểm
				Số điểm của từng tiêu chí đạt dưới 50% số điểm tối đa (nêu rõ tiêu chí nào?)
				Trong năm đánh giá, có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền xã, phường, thị trấn bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Biểu mẫu số 05: Danh sách xã, phường, thị trấn bị thu hồi Quyết định công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (nếu có)

STT	Tên xã, phường, thị trấn	Năm ra QĐ công nhận đạt chuẩn TCPL	Năm bị thu hồi/hủy bỏ Quyết định công nhận đạt chuẩn TCPL	Lý do
I	Thành phố...			
1				
2				
....				
II	Huyện...			
...				

6. Biểu mẫu số 06: Các mô hình, giải pháp, sáng kiến trong triển khai các tiêu chí tiếp cận pháp luật

STT	Tên mô hình, giải pháp, sáng kiến	Nội dung chính của mô hình, giải pháp, sáng kiến	Địa bàn áp dụng	Đã có văn bản hướng dẫn nhân rộng	Đã được khen thưởng
I	Phổ biến, giáo dục pháp luật				
1					
2					
...					
II	Hòa giải ở cơ sở				
...					
III	Khác				
...					